CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 81/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2383
ĐẾN Ngày: 20/7/16
Chuyển: ...

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông (Nghị định số 25/2011/NĐ-CP)

1. Sửa đổi Điều 4 như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ "dưới hình thức đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp" quy định tại khoản 1;

b) Bãi bỏ cụm từ "trực tiếp" quy định tại khoản 2.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Đăng ký, thẩm tra dự án đầu tư nước ngoài trong kinh doanh dịch vụ viễn thông

Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong kinh doanh dịch vụ viễn thông cần quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đăng ký đầu tư phải gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông".

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 10.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông

1. Việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông được thực hiện trên cơ sở hợp đồng, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông được giao kết giữa doanh nghiệp viễn thông với người sử dụng dịch vụ viễn thông.

2. Hợp đồng, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

3. Đối với dịch vụ viễn thông thiết yếu thuộc danh mục dịch vụ do Thủ tướng Chính phủ quy định phải có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ, Bộ Công Thương chấp thuận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của doanh nghiệp viễn thông sau khi thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Đối với dịch vụ viễn thông không thuộc danh mục dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này và thuộc danh mục dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phải có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo quy trình thủ tục áp dụng như đối với dịch vụ viễn thông thiết yếu tại khoản 3 Điều này với Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về yêu cầu, nội dung chuyên ngành tối thiểu, quy trình thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

"1. Hồ sơ đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông công cộng

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phải gửi 05 bộ hồ sơ tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13);

c) Bản sao điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp;

d) Văn bản xác nhận vốn pháp định theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

đ) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Dự báo và phân tích thị trường; phương án kinh doanh; doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng năm; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

e) Kế hoạch kỹ thuật tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Cấu hình mạng lưới, thiết bị theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng; phân tích năng lực mạng lưới, thiết bị; dung lượng các đường truyền dẫn; tài nguyên viễn thông; công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn, an ninh thông tin (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

g) Văn bản cam kết thực hiện giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông phải gửi 05 bộ hồ sơ tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13);

c) Bản sao đang có hiệu lực điều lệ của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp;

d) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Loại hình dịch vụ; phạm vi cung cấp dịch vụ; giá cước dịch vụ; dự báo và phân tích thị trường, doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng năm; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực; biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

đ) Kế hoạch kỹ thuật tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Cấu hình mạng viễn thông sẽ sử dụng theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng; phân tích năng lực mạng và thiết bị viễn thông; dung lượng các đường truyền dẫn; tài nguyên viễn thông; công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; kết nối viễn thông; phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ; biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này)".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông xem xét và thông báo cho doanh nghiệp biết về tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 3 Điều 20 Nghị định này, doanh nghiệp được cấp giấy phép viễn thông trong

thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện giấy phép theo thông báo của Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông;

d) Trường hợp từ chối cấp phép, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Công bố nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp phải đăng trên một trong các tờ báo viết trong ba số liên tiếp hoặc báo điện tử và trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông trong 20 ngày nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 23 Nghị định này."

6. Bổ sung Điều 23a như sau:

"Điều 23a. Điều kiện cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Điều 36 Luật viễn thông.

2. Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Luật viễn thông bao gồm:

a) Doanh nghiệp không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành;

b) Doanh nghiệp có tổ chức bộ máy và nhân lực đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật và phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

"Điều 24. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép và thực hiện thủ tục thông báo

1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông khi có ít nhất một trong những thay đổi sau:

a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép;

b) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, loại hình dịch vụ, nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông đã được cấp phép theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Đề nghị được cung cấp các dịch vụ viễn thông chưa quy định trong giấy phép và cơ quan có thẩm quyền cấp phép cung cấp dịch vụ đó là cơ quan đã cấp giấy phép đang có;

d) Ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông đã được cấp phép.

2. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp không phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép nhưng phải thông báo cho Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông các thông tin liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có ít nhất một trong những thay đổi sau:

a) Địa chỉ trụ sở chính;

b) Người đại diện theo pháp luật;

c) Vốn pháp định hoặc vốn đầu tư nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ yêu cầu về vốn pháp định quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định này;

d) Tỷ lệ góp vốn giữa các thành viên góp vốn nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ yêu cầu về đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp, yêu cầu về sở hữu quy định tại Điều 3 Nghị định này."

8. Bổ sung Điều 24a như sau:

"Điều 24a. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông phải gửi 03 bộ hồ sơ tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do thay đổi tên doanh nghiệp bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13);

c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép do mở rộng phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng, bổ sung dịch vụ viễn thông được phép cung cấp bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung đối với phạm vi thiết lập mạng mở rộng thêm, đối với dịch vụ dự kiến cung cấp mới theo Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; thẩm định và quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung biết.

5. Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép tương ứng quy định tại Điều 23a Nghị định này.

6. Giấy phép sửa đổi, bổ sung có giá trị hiệu lực kể từ ngày cấp sửa đổi, bổ sung tới ngày hết giá trị hiệu lực của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

7. Việc công bố nội dung sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định này".

9. Bổ sung Điều 24b như sau:

"Điều 24b. Gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông muốn gia hạn giấy phép phải gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; thẩm định và quyết định gia hạn giấy phép theo thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.

4. Việc xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện dựa trên việc doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông.

5. Giấy phép gia hạn có giá trị hiệu lực kể từ ngày hết hạn của giấy phép đề nghị được gia hạn. Thời hạn của giấy phép gia hạn được xét theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật viễn thông.

6. Việc công bố nội dung gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định này."

10. Bổ sung Điều 24c như sau:

"Điều 24c. Cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

1. Doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông muốn tiếp tục kinh doanh dịch vụ viễn thông theo nội dung giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép tới Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông ít nhất 60 ngày làm việc trước ngày giấy phép hết hạn.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông công cộng bao gồm các tài liệu quy định Điều 23 Nghị định này và báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp mới giấy phép theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Việc xét cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện theo quy định về điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại Điều 23a Nghị định này ngoại trừ quy định "doanh nghiệp không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành", có xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp mới và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.

4. Giấy phép cấp mới có giá trị hiệu lực kể từ ngày hết hạn của giấy phép đề nghị được cấp mới. Thời hạn của giấy phép cấp mới được xét theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật viễn thông.

5. Việc công bố nội dung cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định này."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Điều 11, Điều 12, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 và Điều 26 Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b).M 225

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM * CHÍNH PHỦ NƯỚC

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Mẫu số 02	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Mẫu số 03	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Mẫu số 04	Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên của (tên doanh nghiệp)
Mẫu số 05	Kế hoạch kỹ thuật trong 5 năm đầu tiên của (tên doanh nghiệp)
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Mẫu số 07	Cam kết thực hiện Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng

Mẫu số 01

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông.

- Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông; Nghị định số..../2016/NĐ-CP ngày.....tháng....năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông;

- (Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa) .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: .... do .... cấp ngày ... tháng..... năm ... tại .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website .....

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

□ 1. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng ..... [1]

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

[1] Điền tên mạng theo quy định tại các Điều 19, 20, 21 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

□ 2. Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông .....[2]

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1. .....

2. .....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận: - Như trên;	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

[2] Điền tên dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại các dịch vụ viễn thông.

Mẫu số 02

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2016

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông.

- Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông; Nghị định số..../2016/NĐ-CP ngày....tháng....năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông;

- (Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa) .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): .....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website .....

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng .... năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

□ 1. Đổi tên doanh nghiệp;

□ 2. Thu hẹp phạm vi thiết lập mạng viễn thông;

□ 3. Mở rộng phạm vi thiết lập mạng viễn thông;

□ 4. Ngừng cung cấp các dịch vụ viễn thông sau .....

□ 5. Cho phép cung cấp bổ sung các dịch vụ viễn thông sau .....

□ 6. Lý do khác (ghi rõ) .....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

3.....

4. .....

5. .....

6. .....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Như trên;
.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Mẫu số 03

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2016

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông.

- Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày.....tháng....năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông;

- (Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa) .....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại .....

4. Điện thoại: ..... Fax: .....Website .....

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số ....cấp ngày ....tháng ....năm .....

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn .....

Thời hạn đề nghị được gia hạn: .... ngày .... tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1. .....

2. .....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận: - Như trên;	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Mẫu số 04

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

KẾ HOẠCH KINH DOANH
TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN CỦA (TÊN DOANH NGHIỆP)
(Từ tháng ... năm ... đến tháng... năm...
tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Phần 1. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính và tóm tắt vị trí chiến lược của công ty.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

Phần 2. Tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên.

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số chứng minh thư nhân dân/Số hộ chiếu/Nơi cấp/Ngày cấp/Ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc
1				
2				

3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

4. Năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

Phần 3. Tài chính

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Giấy chứng nhận đầu tư/Số chứng minh thư nhân dân/ Số Hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

2. Kế hoạch chi tiết về chi phí đầu tư, yêu cầu vốn lưu động và phân bổ kinh phí từng năm trong 05 năm đầu tiên.

3. Chi tiết dự kiến kế hoạch tài chính gồm: Dự kiến nguồn vốn và số lượng vốn huy động từ từng nguồn; thời điểm bắt đầu huy động vốn và rót vốn; thời hạn hoàn trả dự kiến; lịch trình vay các khoản vay; quy định về quỹ dự phòng.

4. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

Phần 4. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị thiết lập mạng viễn thông công cộng:

1. Loại hình và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Kế hoạch thiết lập mạng: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp) để thiết lập mạng;

d) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấp phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo lợi nhuận/lỗ, bản cân đối tài chính và dự báo dòng tiền mặt (trình bày rõ các thông số giả thiết được sử dụng để tính toán, ví dụ chính sách khấu hao tài sản, dự báo sản lượng, tăng/giảm chi phí điều hành).

6. Các tỷ số tài chính: tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA), lợi nhuận trên vốn (ROE), hệ số biên lợi nhuận hoạt động, hệ số biên lợi nhuận thuần, tỷ suất tài sản - nợ (trình bày rõ công thức sử dụng để tính toán các hệ số trên).

7. Dự báo tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR), giá trị hiện tại thuần (net present value), tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (payback period of investment).

8. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông:

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp.

2. Phạm vi cung cấp dịch vụ.

3. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

d) Giá cước dịch vụ;

đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu, dự báo lợi nhuận/lỗ, bản cân đối tài chính và dự báo dòng tiền mặt (trình bày rõ các thông số giả thiết được sử dụng để tính toán, ví dụ chính sách khấu hao tài sản, dự báo sản lượng, tăng/giảm chi phí điều hành).

7. Các tỷ số tài chính: tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA), lợi nhuận trên vốn (ROE), hệ số biên lợi nhuận hoạt động, hệ số biên lợi nhuận thuần, tỷ suất tài sản - nợ (trình bày rõ công thức sử dụng để tính toán các hệ số trên).

8. Dự báo tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR), giá trị hiện tại thuần (net present value), tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (payback period of investment).

9. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

10. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Mẫu số 05

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

KẾ HOẠCH KỸ THUẬT
TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN CỦA (TÊN DOANH NGHIỆP)
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...
tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấp phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật dự kiến áp dụng.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng./.

Mẫu số 06

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...)
(tài liệu kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung/cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Cục Viễn thông.

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số ..... do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

Vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã được cấp, số thuê bao viễn thông hiện đang đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

5. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin

Kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin đang triển khai.

7. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

8. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Đối với Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông mẫu đang áp dụng;

c) Giá cước, chất lượng dịch vụ;

d) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin khi cung cấp dịch vụ;

đ) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

c) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin

Kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin đang triển khai.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

7. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

8. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 07

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

CAM KẾT THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa) .....

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

Điện thoại: ..... Fax: ..... Website .....

Chấp hành Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông; Nghị định số .... /2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông, (tên doanh nghiệp):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng;

2. Cam kết đầu tư để thiết lập mạng viễn thông công cộng như sau:

a) Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư để phát triển mạng viễn thông theo quy mô, phạm vi như sau:

TT	Phạm vi	Quy mô	Kinh phí đầu tư
Năm thứ nhất	-	-	-
Năm thứ hai	-	-	-
Năm thứ ba	-	-	-

b) Trong toàn bộ thời hạn của Giấy phép, cam kết đầu tư để phát triển mạng viễn thông theo quy mô, phạm vi như sau:

TT	Phạm vi	Quy mô	Kinh phí đầu tư
Đến năm thứ năm	-	-	-
Đến năm thứ mười	-	-	-
Đến hết thời hạn của Giấy phép	-	-	-

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ nộp phạt vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông nếu vi phạm thực hiện Giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như trên;
.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)